

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ TƯ VẤN QUỐC TẾ NT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ TƯ VẤN QUỐC TẾ NT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NT INTERNATIONAL TRADING INVESTMENT AND CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: NT INTERNATIONAL ., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107761215

3. Ngày thành lập: 14/03/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

66/1 Bùi Xương Trạch, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0466874586

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
2.	Giáo dục tiểu học	8520
3.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Dịch vụ tư vấn du học Tư vấn giáo dục	8560(Chính)
4.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm: kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường)	5610
5.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
6.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô; Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định;	4932
7.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933

8.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Giám sát thi công xây dựng ; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế kiến trúc công trình Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; Thiết kế kết cấu công trình; Thiết kế điện - cơ điện công trình Thiết kế thông gió cấp thoát nhiệt Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán , quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng Lập dự án đầu tư xây dựng Khảo sát địa hình Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình Thiết kế cấp thoát nước Kiểm định xây dựng; Thẩm tra thiết kế xây dựng; Tư vấn quản lý dự án; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình; Xác định thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án; Đo bóc khối lượng Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng; Khảo sát lập đề án, dự án ,thiết kế kỹ thuật, dự toán công trình đo đạc và bản đồ Dịch vụ tư vấn lập hồ sơ mời thầu Hoạt động đo đạc bản đồ Hoạt động thăm dò địa chất nguồn nước. (Chỉ hoạt động khi đủ điều kiện quy định pháp luật)	7110
----	--	------

9.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: + Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, + Thử độ ẩm và các công việc thử nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Chôn chân trụ, + Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái bao phủ toà nhà, + Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá huỷ các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, + Dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, + Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao. - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài toà nhà; - Thuê cần trục có người điều khiển.	4390
10.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
11.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
12.	Bán mô tô, xe máy	4541
13.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động dịch vụ việc làm.	7810
14.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
15.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
16.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
17.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
18.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
19.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn	2599
20.	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Đại lý bảo hiểm (Doanh nghiệp và các đơn vị trực thuộc chỉ được kinh doanh những ngành nghề kinh doanh khi đủ điều kiện theo quy định pháp luật).	6622

21.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: + Các nhà máy lọc dầu, + Các xưởng hoá chất, - Xây dựng công trình cửa như: + Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa công... + Đập và đê. - Xây dựng đường hầm; - Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời.	4290
22.	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610
23.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
24.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
25.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
26.	Trồng lúa	0111
27.	Trồng cây hồ tiêu	0124
28.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
29.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
30.	Khai thác thủy sản biển	0311
31.	Sản xuất giống thủy sản	0323
32.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
33.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
34.	Xây dựng nhà các loại	4100
35.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ loại Nhà nước cấm)	4662
36.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn các sản phẩm từ nhựa	4669
37.	Trồng cây mía	0114
38.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
39.	Trồng cây cà phê	0126
40.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
41.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
42.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
43.	Xây dựng công trình công ích	4220
44.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
45.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
46.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
47.	Giáo dục mầm non	8510

48.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dạy ngoại ngữ	8559
49.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
50.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
51.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
52.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
53.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
54.	Trồng cây điều	0123
55.	Trồng cây cao su	0125
56.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
57.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
58.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.	4329
59.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
60.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
61.	Trồng cây lấy sợi	0116
62.	Trồng cây chè	0127
63.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
64.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
65.	Đúc sắt, thép	2431
66.	Đúc kim loại màu	2432
67.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
68.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
69.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
70.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
71.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
72.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150

73.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
74.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
75.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
76.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
77.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
78.	Trồng cây ăn quả	0121
79.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
80.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
81.	Khai thác gỗ	0221
82.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
83.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
84.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
85.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
86.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, véc ni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh	4663
87.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
88.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
89.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư. (Không bao gồm: tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính, thuế, kế toán, kiểm toán, chứng khoán).	6619
90.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: cung cấp suất ăn theo hợp đồng Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ	5629
91.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm: kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường)	5630
92.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi	4931

6. Vốn điều lệ: 6.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHẠM THỊ HÒE	27/65 Lê Lai, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	180.000	1.800.000.000	30,000	030251895	
			Tổng số	180.000	1.800.000.000	30,000		
2	TRẦN VĂN HẢI	Tổ 3 cụm 2, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	180.000	1.800.000.000	30,000	013654322	
			Tổng số	180.000	1.800.000.000	30,000		
3	HOÀNG HẢI ANH	Tổ 3 cụm 2, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	240.000	2.400.000.000	40,000	013515374	
			Tổng số	240.000	2.400.000.000	40,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HOÀNG HẢI ANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 25/08/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 013515374

Ngày cấp: 19/03/2012

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ 3 cụm 2, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tổ 3 cụm 2, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội